TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HOÀ B** **TỈNH HOÀ B**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2022/DS-ST
Ngày: 16/12/2022
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÒA B

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Như Hoa và ông Nguyễn Xuân Giao.

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố Hòa B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa B tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 16/12/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoà B, tỉnh Hòa B mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2021/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2021 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXX-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Chu Thị Ánh T**, sinh năm 1958 (Có mặt);

Địa chỉ: Tổ 14, phường Tân Hòa, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Phương A,** sinh năm 1979 (Vắng mặt);

Nơi ĐKHKTT: Tổ 16, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B.

Chỗ ở: Thôn 1, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phùng Văn B, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đội 2, Khê Thượng, xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Chu Thị Ánh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết và tin tưởng nên ngày 08/6/2014 chị Nguyễn Thị Phương A có vay của bà T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) với mục đích chị A nói là để mua ô tô. Chị A có hứa đến ngày 26/6/2019 sẽ thanh toán lại cho bà T, khi bà T giao tiền cho chị A có viết một giấy vay tiền. Qúa trình thỏa thuận vay tiền, hai bên không thỏa thuận về lãi suất với nhau. Đến ngày hẹn thanh toán chị A không thanh toán cho bà T, sau đó bà T đã yêu cầu nhiều lần nhưng chị A cố tình tránh mặt không chịu thanh toán tiền.

Qúa trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu anh Phùng Văn B – là chồng của chị A cùng có trách nhiệm thanh toán khoản vay trên do chị A vay tiền để sử dụng chung cho gia đình. Tại phiên tòa, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị A có trách nhiệm thanh toán số tiền chị A vay bà, không yêu cầu anh Phùng Văn B có trách nhiệm thanh toán.

Nay bà Chu Thị Ánh T yêu cầu Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Phương A phải thanh toán cho bà số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền chị A đã vay nợ của bà và không yêu cầu thanh toán tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai, bị đơn chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Chị A thừa nhận vào ngày 08/6/2014 chị có vay của bà Chu Thị Ánh T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), khi vay chị có viết với bà T 01 giấy vay tiền địa điểm thực hiện việc vay nhận tiền và viết giấy vay tại nhà của bà T tại tổ 14, phường Tân Hòa, thành phố Hòa B. Tuy nhiên sau đó chị đã thanh toán toàn bộ số tiền trên cho bà Chu Thị Ánh T bằng hình thức chuyển khoản hay tiền mặt qua Ngân hàng. Tuy nhiên không có căn cứ hay giấy tờ chứng minh đã thanh toán số tiền trên cho bà Chu Thị Ánh T. Quan điểm của chị là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì chị đã thanh toán đủ số tiền trên.

Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định xác định chữ viết trong giấy vay tiền do bà T giao nộp. Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa B xác định: Chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 08/6/2014 và mẫu so sánh với chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị Phương A do cùng một người viết và ký ra.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Phía bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ hai lần những vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 BLDS 2015; Điều 147, 244 BLTTDS 2015, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 31/12/2016 của UBTVQH; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Chu Thị Ánh T, buộc bị đơn - chị Nguyễn Thị Phương A phải thanh toán cho bà Chu Thị Ánh T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Bà Chu Thị Ánh T khởi kiện vụ án tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản; Phía Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương A có nơi ĐKHKTT tại: Tổ 16, phường Tân Thịnh, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A có cung cấp chỗ ở: Thôn 1, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc cung cấp chị A từ năm 2021 đã không còn sinh sống tại địa phương. Đồng thời, trong Hợp đồng vay tài sản thể hiện nơi giao dịch, ký kết giấy vay tiền là tại gia đình nguyên đơn – bà Chu Thị Ánh T tại tổ 14, phường Tân Hòa, thành phố Hòa B, tỉnh Hòa B. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa B.

Về phạm vi khởi kiện: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng vay tài sản (vay tiền) giữa hai bên, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền đã nợ theo giấy vay nợ đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Tại phiên tòa lần thứ nhất diễn ra vào ngày 28/11/2022 phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đã tiến hành hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa theo quy định cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt phía bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Do mối quan hệ quen biết, ngày 08/6/2014 tại nhà của bà Chu Thị Ánh T tại tổ 14, phường Tân Hòa, thành phố Hòa B, chị Nguyễn Thị Phương A đã vay của bà T số tiền là 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng), khi thực hiện vay tiền chị A có viết 01 giấy vay tiền với bà T, trên giấy vay nợ thể hiện các bên thỏa thuận đến ngày 25/6/2014 chị A sẽ thanh toán số tiền trên cho bà T, giấy vay tiền không thể hiện thỏa thuận về tiền lãi, chỉ thể hiện số tiền nợ gốc và có chữ ký của bên vay là chị Nguyễn Thị Phương A. Sau đó, bà T có yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhiều lần nhưng chị A không thanh toán số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị A thừa nhận có vay bà Chu Thị Ánh T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tuy nhiên chị A cho rằng đã thanh toán cho bà T số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), nhưng chị A không có giấy tờ, căn cứ chứng minh cho việc thanh toán.

Căn cứ giấy vay tiền ngày 08/6/2014 do bà Chu Thị Ánh T giao nộp và Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa B xác định: Chữ ký và chữ viết trong giấy vay tiền đề ngày 08/6/2014 và mẫu so sánh với chữ ký, chữ viết của chị Nguyễn Thị Phương A do cùng một người viết và ký ra. Như vậy, đủ cơ sở kết luận chị Nguyễn Thị Phương A có vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) của bà Chu Thị Ánh T. Qúa trình giải quyết vụ án bà T có yêu cầu khởi kiện bổ sung, đề nghị buộc anh Phùng Văn B – là chồng của chị A cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho bà, tuy nhiên tại phiên tòa bà T rút yêu cầu khởi kiện đối với nội dung trên, đề nghị tuyên buộc chị Nguyễn Thị Phương A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền đã vay nợ của bà. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của bà T là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Nguyễn Thị Phương A phải thanh toán toàn bộ số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) cho bà Chu Thị Ánh T. Anh Phùng Văn B không phải thanh toán số tiền trên cho bà T.

Phía nguyên đơn không yêu cầu lãi đối với khoản tiền gốc 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí, lệ phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định.

Về lệ phí giám định chữ ký, chữ viết nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ, sự tự nguyện của nguyên đơn là phù hợp, cần chấp nhận.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 144, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị Ánh T đối với chị Nguyễn Thị Phương A.

Buộc Chị Nguyễn Thị Phương A phải thanh toán cho bà Chu Thị Ánh T số tiền còn nợ là: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí, lệ phí: Bà Chu Thị Ánh T không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 300.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006710 ngày 27/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa B. Chị Nguyễn Thị Phương A phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Chu Thị Ánh T tự nguyện chịu số tiền 3.888.250đ (Ba triệu tám trăm tám mươi tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền giám định chữ ký, chữ viết. Đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Quỳnh Anh

Nơi nhận
- *Tòa án ND tỉnh HB;*
- *VKSND thành phố HB;*
- *Chi cục THADS thành phố HB;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS.*